

Số: 121/QĐ-MNPLI

Hà Đông, ngày 05 tháng 6 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai số liệu bổ sung, điều chỉnh dự toán**  
**chi NSNN năm 2025**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON PHÚ LƯƠNG I**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 13/3/2025 của UBND quận Hà Đông về việc chuyển nguồn ngân sách năm 2024 sang năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1940/QĐ-UBND ngày 27/5/2025 của UBND quận Hà Đông về việc bổ sung, điều chỉnh dự toán chi NSNN năm 2025 cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán trường mầm non Phú Lương I.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Công bố công khai số liệu bổ sung, điều chỉnh dự toán chi NSNN năm 2025 của Trường Mầm non Phú Lương I (theo biểu mẫu đính kèm Quyết định này).

**Điều 2:** Bộ phận kế toán có trách nhiệm tổ chức công khai bổ sung, điều chỉnh dự toán chi NSNN năm 2025 tại trụ sở trường học và trên các kênh thông tin theo quy định.

**Điều 3:** Các bộ phận có liên quan và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường Mầm non Phú Lương I chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, KT.

**HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Chinh

Đơn vị: Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Hà Đông

Chương: 622

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 121/QĐ-MNPLI ngày 05/6/2025

của trường Mầm non Phú Lương I)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

| Số TT      | Nội dung                                                             | Dự toán được giao |
|------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1          | 2                                                                    | 3                 |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>                   |                   |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                                |                   |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                                    |                   |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                        |                   |
| 1.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                                     |                   |
| 1.2        | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                               |                   |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>                           |                   |
| 2.1        | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ                       |                   |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia                           |                   |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ                                 |                   |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở                              |                   |
| 2.2        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng                        |                   |
| 2.3        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                 |                   |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>                   | 1.043.801.281     |
| 3.1        | Kinh phí tự chủ (071-13)                                             |                   |
| 3.2        | Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (071-12)                      | 624.360.000       |
|            | Kinh phí thực hiện giao không tự chủ (071-12)                        | 399.224.500       |
| 3.3        | Kinh phí thực hiện giao không tự chủ - KP khen thưởng NĐ 73 (071-18) | 20.216.781        |
| <b>4</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>                        |                   |
| 4.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                       |                   |
| 4.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                 |                   |
| <b>5</b>   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                                            |                   |
| 5.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                       |                   |
| 5.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                 |                   |
| <b>6</b>   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                                         |                   |
| 6.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                       |                   |
| 6.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                 |                   |
| <b>7</b>   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                               |                   |
| <b>II</b>  | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                                            |                   |
| <b>III</b> | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>                                       |                   |